

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và bà Bùi Thị Hoài Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 07/5/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H.

Địa chỉ: Km 22+500, quốc lộ 5A, thị trấn Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D-Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H-Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. (Văn bản ủy quyền số 4010/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018).

Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1977-Chức vụ Phó phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H-Phòng giao dịch Phố H-Có mặt.

Địa chỉ: Số 12 phố Tôn Thất Tùng, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

(Văn bản ủy quyền số 14/GUQ-CNHY ngày 12/4/2019 của Giám đốc-Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1991-Có mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/3/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. (sau đây viết tắt là ngân hàng) đã ký với bà Nguyễn Thị Vân A (sau đây viết tắt là bên vay) hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1607600190, theo hợp đồng thì bà Vân A vay số tiền là: 99.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 03 tháng đầu là 1,1%/tháng, từ tháng thứ 4 lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ cố định 0,46%/tháng từ tháng thứ 25 trở đi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng, cộng biên độ cố định 0,5%/tháng, định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng.

Thực hiện theo cam kết của hợp đồng, ngân hàng đã tiến hành giải ngân đầy đủ số tiền 99.000.000 đồng cho bên vay thể hiện tại Giấy nhận nợ số LD1607600190 ngày 17/3/2016.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay đã thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng đến ngày 24/10/2018. Bên vay đã trả được 61.860.000 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 17/3/2016 đến 24/10/2018.

Từ kỳ trả nợ ngày 25/10/2018, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các cam kết tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Đến tháng 6 và tháng 7 /2019, bên vay thanh toán được 4.000.000 đồng tiền gốc. Cho đến nay, theo tính toán của ngân hàng thì bên vay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn tạm tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày 19/8/2019 là 5.408.044 đồng.

Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày 19/8/2019 là: 38.548.044 đồng.

Vì vậy ngân hàng khởi kiện bên vay, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bên vay phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. tổng số nợ gốc, lãi quá hạn còn nợ tạm tính đến ngày 19/8/2019 là: 38.548.044 đồng. Đồng thời yêu cầu bên vay phải tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 19/8/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được số tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong. Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Ngày 16/3/2018, bà Vân A vay Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. số tiền 99.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng. Bà Vân A đã trả lãi và gốc đến tháng 10/2018 sau đó do khó khăn nên bà Vân A không trả được cho ngân hàng nữa. Cho đến nay bên vay xác nhận còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn như ngân hàng tạm tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày 19/8/2019 là 5.408.044 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày 19/8/2019 là: 38.548.044 đồng. Về số tiền gốc, lãi như ngân hàng đã tính toán bên vay nhất trí không thắc mắc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bên vay có quan điểm như sau: Bên vay nhất trí trả nợ cho ngân hàng nhưng do đang khó khăn nên bên vay đề nghị ngân hàng cho được trả dần số tiền nợ gốc. Bên vay đề nghị ngân hàng cho xin số tiền lãi tính từ ngày 25/10/2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn nhất trí trả nợ cho ngân hàng nhưng do đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho được trả dần số tiền nợ gốc và đề nghị ngân hàng cho xin số tiền lãi tính từ ngày 25/10/2018 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H..

Buộc bà Nguyễn Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. toàn bộ số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 16/3/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. và bà Nguyễn Thị Vân A ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số theo đó ngân hàng cho bà Vân A vay số tiền là: 99.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 03 tháng đầu là 1,1%/tháng, từ tháng thứ 4 lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ cố định 0,46%/tháng từ tháng thứ 25 trở đi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng, cộng biên độ cố định 0,5%/tháng, định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay đã thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng đến ngày 24/10/2018. Bên vay đã trả được 61.860.000 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 17/3/2016 đến 24/10/2018.

Từ kỳ trả nợ ngày 25/10/2018, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, vi phạm các cam kết tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Đến tháng 6 và tháng 7 /2019, bên vay tiếp tục thanh toán được 4.000.000 đồng tiền gốc. Theo tính toán của ngân hàng thì bên vay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn tạm tính từ ngày 25/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2019) là 5.976.353 đồng.

Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày 17/9/2019 là: 39.116.353 đồng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện bên vay, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bên vay phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. tổng số nợ gốc, lãi quá hạn còn nợ tạm tính đến ngày 17/9/2019 là: 39.116.353 đồng. Đồng thời yêu cầu kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu bên vay không trả được số tiền nợ gốc thì bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Bị đơn thừa nhận đã vay số tiền 99.000.000 đồng, đã trả lãi và gốc đến tháng 10/2018 sau đó do khó khăn nên bên vay không trả được cho ngân hàng nữa. Bên vay thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn như ngân hàng đã tính toán. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày 17/9/2019 là: 39.116.353 đồng. Về số tiền gốc, lãi như ngân hàng đã tính toán bên vay nhất trí không thắc mắc gì. Bên vay nhất trí trả nợ cho ngân hàng nhưng do đang khó khăn nên bên vay đề nghị ngân hàng cho được trả dần số tiền nợ gốc và đề nghị ngân hàng cho xin số tiền lãi tính từ ngày 25/10/2018 cho đến nay.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bà Vân A, Hội đồng xét xử nhận định: Đây là hợp đồng vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với bà Vân A nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích vay tiêu dùng. Do vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng không có tranh chấp gì. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 16/3/2016, bà Vân A đã vay ngân hàng số tiền là: 99.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/10/2018, bà Vân A đã trả được 61.860.000 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 17/3/2016 đến 24/10/2018. Đến tháng 6 và tháng 7/2019, bên vay tiếp tục trả được 4.000.000 đồng tiền gốc. Bên vay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn tạm tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày 17/9/2019 là 5.976.353 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày 17/9/2019 là 39.116.353 đồng. Bị đơn thừa nhận còn

nợ số tiền nợ gốc, các khoản lãi như nguyên đơn yêu cầu và chấp nhận trả nợ. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và không tranh chấp gì nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng và số lãi quá hạn tạm tính từ ngày 25/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2019) là 5.976.353 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bên vay còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2019) là: 39.116.353 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các yêu cầu khác trong đơn khởi kiện, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 33.140.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17 tháng 9 năm 2019) là 5.976.353 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17 tháng 9 năm 2019) bà Nguyễn Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H là: 39.116.353 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn ba trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu 1.955.817 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần S-Chi nhánh H số tiền 1.003.284 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005793 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn